

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC  
ĐẤT XANH VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN NGÀY 30/06/2012**

Head Office in HCMC  
139 Calmette Str., Nguyen Thai Binh  
Ward, District 1, Ho Chi Minh City  
Tel : 08 3915 3780/81/82  
Fax : 08 3915 3783  
Email: info-ktvn@hcm.fpt.vn

Sai Gon Branch  
62 Ut Tich Str. Tan Binh Dist.,  
Ho Chi Minh City  
Tel: 08 3811 6462  
Fax: 08 3811 6462

Hanoi Branch:  
13/6 Kim Dong Str.,  
Hoang Mai Dist., Ha Noi  
Tel: 04 3668 6533/34  
Fax: 04 3668 6535  
Email: ktvnhanoi@yahoo.com

Rep Office:  
39 - 41 Ngo Quyen Str.  
Ca Mau Province  
Tel: 0780 358 7777  
Fax: 0780 358 7777  
Email: ktvncamau@yahoo.com.v

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>01 -02</b>
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT</b>	<b>03</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ SOÁT XÉT</b>	
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>	<b>04 – 08</b>
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT</b>	<b>09</b>
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT</b>	<b>10 – 11</b>
<b>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	<b>12 - 48</b>

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lương Trí Thìn	Chủ tịch
Ông Trần Văn Ánh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Khánh Hưng	Thành viên
Ông Trần Minh Toàn	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 21/04/2012)
Ông Trần Quyết Chiến	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Lương Trí Thìn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khánh Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Lâm	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính (bỏ nhiệm ngày 10/05/2012)
Bà Đỗ Thị Thái	Kế toán trưởng

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30/06/2012, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày của Công ty và các công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 04 đến trang 48).

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám Đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám Đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm

đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và các công ty con và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám Đốc xác nhận rằng Công ty và các công ty con đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**Ý KIẾN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám Đốc nhận thấy báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty và các công ty con vào ngày lập báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Tổng Giám Đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.



**Lương Trí Thiêm**  
**Tổng Giám Đốc**

*Ngày 21 tháng 11 năm 2012*

Số: 78/HDKT2012

Tp.HCM, ngày 21. tháng 6. năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh và các công ty con cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**Kính gửi: Các Chủ Đông, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc**  
**Công ty Cổ Phần Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập Đoàn) gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất"), được lập ngày 15.6.2012, đính kèm từ trang 04 đến trang 48.

**Trách nhiệm của Tổng Giám Đốc và Kiểm toán viên**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của công tác soát xét của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty, kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến nhân xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập Đoàn tại ngày 30/06/2012 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Nguyễn Nhân Bào****Giám đốc**

Chứng chỉ KTV số: 0413/KTV

*Thay mặt và đại diện cho***Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nhất****Phan Thị Thủy Tiên****Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số: 360/KTV

Head Office in HCMC  
139 Calmette, District 1  
Tel: (+84) 8 3915 3780/81/82  
Fax: (+84) 8 3915 3783  
Email: info-ktnv@hcm.fpt.vn

Sai Gon Branch  
62 Ut Tych, Tan Binh District  
Tel: (+84) 8 3811 6482  
Fax: (+84) 8 3811 6462

Hanoi Branch  
13/6 Kim Dung, Hoang Mai District  
Tel: (+84) 4 3668 6533/34  
Fax: (+84) 4 3668 6535  
Email: ktnvhanoi@yahoo.com

Ca Mau Rep. Office  
39 - 41 Ngo Quyen, Ca Mau City  
Tel: (+84) 780 358 7777  
Fax: (+84) 780 358 7777  
Email: ktnvcamau@yahoo.com.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>573.896.945.372</b>	<b>585.934.047.478</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>55.688.726.009</b>	<b>107.361.799.576</b>
1. Tiền	111		27.070.126.009	13.660.166.243
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.618.600.000	93.701.633.333
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5.2</b>	<b>228.418.208.145</b>	<b>346.455.857.910</b>
1. Phải thu khách hàng	131		100.117.334.542	147.258.046.723
2. Trả trước cho người bán	132		24.085.204.731	16.623.926.163
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		113.669.089.322	192.027.305.474
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.453.420.450)	(9.453.420.450)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>243.359.697.502</b>	<b>84.098.752.589</b>
1. Hàng tồn kho	141		243.359.697.502	84.098.752.589
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>46.430.313.716</b>	<b>48.017.637.403</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.509.568.113	1.453.133.687
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.593.619.804	734.659.694
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		109.894.609	1.234.282.175
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>5.4</b>	43.217.231.190	44.595.561.847

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 48 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>300.054.097.809</b>	<b>300.309.606.140</b>
(200 = 210+220+240+250+260)				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.466.335.642</b>	<b>14.692.170.544</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	12.283.777.736	12.479.545.216
- Nguyên giá	222		19.689.527.860	18.199.088.401
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.405.750.124)	(5.719.543.185)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	246.835.794	168.051.286
- Nguyên giá	228		520.700.535	411.848.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(273.864.741)	(243.797.319)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	1.935.722.112	2.044.574.042
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>24.975.079.473</b>	<b>25.413.238.755</b>
- Nguyên giá	241		26.289.557.319	26.289.557.319
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.314.477.846)	(876.318.564)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>204.666.993.605</b>	<b>199.348.408.002</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	25.268.355.476	25.169.231.328
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	179.398.638.129	174.179.176.674
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>5.11</b>	<b>3.049.087.899</b>	<b>4.641.126.082</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.264.256.516	2.651.319.659
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		63.515.023	63.515.023
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.721.316.360	1.926.291.400
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>5.12</b>	<b>52.896.601.190</b>	<b>56.214.662.757</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>873.951.043.181</b>	<b>886.243.653.618</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 48 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>414.836.549.361</b>	<b>429.068.178.050</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>399.544.208.689</b>	<b>413.728.872.568</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	24.950.000.000	108.850.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.14	22.244.769.363	4.291.314.596
3. Người mua trả tiền trước	313	5.14	146.639.793.997	121.407.365.002
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	17.933.680.924	11.746.635.076
5. Phải trả người lao động	315	5.14	6.284.656.460	6.765.877.337
6. Chi phí phải trả	316	5.14	108.286.972.516	10.815.154.230
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	71.814.604.468	147.896.793.380
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.14	1.389.730.961	1.955.732.947
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.292.340.672</b>	<b>15.339.305.482</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		140.674.803	80.674.803
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	12.061.536.000	12.114.816.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		527.204.166	554.600.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.17	2.562.925.703	2.589.214.679
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 48 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>407.102.346.806</b>	<b>401.389.965.133</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>407.102.346.806</b>	<b>401.389.965.133</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		320.000.000.000	320.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.185.270.806	32.185.270.806
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		57.334.539	197.188.289
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.642.328.822	6.765.651.704
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		47.217.412.639	42.241.854.334
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>5.20</b>		<b>52.012.147.014</b>	<b>55.785.510.435</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>873.951.043.181</b>	<b>886.243.653.618</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 48 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-



Lương Trí Thìn  
Tổng Giám Đốc

Đỗ Thị Thái  
Kế Toán Trưởng

Ngày 21 tháng 8 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	133.038.357.854	166.102.919.411
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	3.435.048.381	1.180.908.097
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	6.1	129.603.309.473	164.922.011.314
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	6.2	50.200.345.699	68.729.970.811
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		79.402.963.774	96.192.040.503
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.752.859.760	9.427.546.569
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.486.590.092	3.667.293.620
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.486.590.092	3.667.293.620
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	19.918.500.206	18.240.873.142
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	38.656.757.638	35.687.786.455
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		17.093.975.598	48.023.633.855
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.788.618.393	2.260.477.050
12. Chi phí khác	32	6.8	3.073.934.091	2.004.748.977
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(285.315.698)	255.728.073
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết	45		(310.875.852)	(641.142.068)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.497.784.048	47.638.219.860
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	8.497.812.893	14.722.130.238
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.10	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.999.971.155	32.916.089.622
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(242.242.752)	2.460.015.595
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		8.242.213.907	30.456.074.027
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	258	1.904



Lương Trí Thìn  
 Tổng Giám Đốc

Đỗ Thị Thái  
 Kế Toán Trưởng

Ngày 2/ tháng 7 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 48 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>16.497.784.048</b>	<b>47.638.219.860</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.883.123.867	1.859.161.797
Các khoản dự phòng	03		-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.430.631.850)	(8.786.404.501)
Chi phí lãi vay	06		5.486.590.092	3.667.293.620
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>22.436.866.157</b>	<b>44.378.270.776</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		196.478.983.843	10.621.005.605
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(103.721.676.547)	52.617.095.787
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(65.509.716.183)	17.177.207.618
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		4.637.966.408	(4.460.893.831)
Tiền lãi vay đã trả	13		(6.117.135.887)	(1.766.124.207)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.450.297.898)	(7.853.515.899)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		79.310.451.458	4.834.109.268
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(79.911.930.121)	(107.241.546.236)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>45.153.511.230</b>	<b>8.305.608.881</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.456.921.301)	(3.378.953.037)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		14.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.557.461.455)	(59.965.428.409)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		836.720.269	9.427.546.569
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(7.163.117.032)</b>	<b>(53.916.834.877)</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 48 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	630.000.000	5.030.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12.110.400.000	115.067.153.072
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(99.216.126.339)	(88.411.600.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.187.741.426)	(1.554.173.080)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(89.663.467.765)</b>	<b>30.131.379.992</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(51.673.073.567)</b>	<b>(15.479.846.004)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>107.361.799.576</b>	<b>161.564.461.264</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>55.688.726.009</b>	<b>146.084.615.260</b>



Lương Trí Thìn  
Tổng Giám Đốc

Đỗ Thị Thái  
Kế Toán Trưởng

Ngày 21 tháng 8 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh, dưới đây gọi là "Công ty", là Công ty Cổ Phần được thành lập do chuyển đổi từ Công ty TNHH Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008531 ngày 23/11/2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi gần nhất vào ngày 01/12/2011.

Trụ sở chính đặt tại số 27, Đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 320.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2012 là 143 người (31/12/2011: 80 người).

Công ty đầu tư vào 03 công ty liên kết, 05 công ty con trực tiếp và 10 công ty con gián tiếp (được trình bày tại mục 1.3, 1.4 dưới đây), dưới đây gọi chung là Tập Đoàn.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tập Đoàn là xây dựng, dịch vụ và thương mại.

Hoạt động chính của Tập Đoàn là:

- Kinh doanh nhà.
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất.
- Tư vấn bất động sản (trừ các dịch vụ mang tính chất pháp lý).
- Tư vấn đầu tư.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- Sửa chữa nhà.
- Cho thuê nhà ở, xưởng, văn phòng.
- Lập dự án đầu tư (báo cáo tiền khả thi, khả thi).
- San lấp mặt bằng.
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.
- Dạy nghề.
- Khai thác đá, cát sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở).
- In ấn (trừ in tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan).
- Dịch vụ liên quan đến in.
- Sao chép bản ghi các loại.
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở).
- Cắt tạo đá tảng và hoàn thiện đá (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất sắt, thép, gang (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế (không chế biến gỗ, gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở).
- Xây dựng nhà các loại.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt trong xây dựng.
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác.
- Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).
- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh).
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán).
- Quảng cáo.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.
- Hoạt động nhiếp ảnh.
- Điều hành tua du lịch.
- Vệ sinh chung nhà cửa.
- Vệ sinh chung nhà cửa và các công trình.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Đào tạo cao đẳng; Đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).
- Giáo dục khác: Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng.
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

**1.3 Danh sách các công ty con được hợp nhất**

**1.3.1 Các công ty con trực tiếp**

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ Hà Thuận Hùng	Số 27, Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	99%	99%
2	Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh	Số 27, Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	51%	50%
3	Công ty Cổ phần Kinh Doanh Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh (DXS)	Số 27, Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	89,5%	89,5%
4	Công Ty TNHH Du Lịch-Thương Mại-Sản Xuất & Xây Dựng Lý Khoa Nguyễn	Số 24 Đường số 24, phường 11, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5	Công ty Cổ Phần Xây Dựng Địa Ốc Long Kim Phát	Lầu 1, 11 Lô C1, Quốc lộ 51, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	(*) 99,96%	99,96%
---	---	--	------------	--------

(\*) Căn cứ theo Biên bản cuộc họp Hội Đồng Quản Trị số 27/2011/BBH-HDQT ngày 29/12/2011 và Quyết định số 26/2011/QĐ-HDQT ngày 30/12/2011 về việc Công ty mẹ nhận chuyển nhượng 5.300.086 cổ phần tương ứng 98,15% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Xây Dựng Địa Ốc Cao Su tại Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Địa Ốc Long Kim Phát với giá trị là 52.911.000.000 đồng, dẫn đến tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ chiếm 99,96% kể từ ngày 31/03/2012.

**1.3.2 Các công ty con gián tiếp:** là công ty con của Công ty Cổ Phần Kinh Doanh Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh (DXS)

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1	Công ty Cổ Phần Đất Xanh Miền Trung	422 đường 2/9, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	67%	60%
2	Công ty Cổ Phần Đất Xanh Đông Á	30 Trần Nãi, Phường An Phú, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	51%	46%
3	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh Tây Nam	299 Hoàng Diệu, Phường 6, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	51%	46%
4	Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đất Xanh Tây Bắc	70 Trường Chinh, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh	51%	46%
5	Công ty Cổ Phần Đất Xanh Đồng Nai	11 lô C1, khu phố 1, quốc lộ 51, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	51%	46%
6	Công ty Cổ Phần Đất Xanh Bình Dương	408 Đại lộ Bình Dương, khu 3, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	51%	46%
7	Công ty Cổ Phần Địa Ốc Đất Xanh Mỹ Phước	K1-17, K1-18 đường NE8 ấp 2, xã Bình Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	57%	51%
8	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ và Địa Ốc Đất Xanh Miền Bắc	Phòng 602 tầng 6 tháp A, tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	56%	50%
9	Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đất Xanh Hoàn Cầu	114 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	51%	46%
10	Công ty CP Đất Xanh Miền Tây	168-170 Nguyễn Hữu Thọ, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	62%	56%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1.3.3 Công ty liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1	Công ty Cổ Phần Địa Ốc Long Điền	Số 104/4, ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	49%	49%
2	Công ty Cổ Phần Xây Dựng Đất Xanh (DXC)	Số 27, Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	42%	42%
3	Công ty Cổ phần Quy hoạch Kiến Trúc Việt	Số 614-616-618 đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	(*) 41%	41%

(\*) Công ty Cổ phần Quy hoạch Kiến Trúc Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0311415536 đăng ký lần đầu ngày 14/12/2011 và thay đổi lần 2 ngày 19/06/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ là 6.000.000.000 đồng và vốn thực góp đến 30/06/2012 là 1.000.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn góp của Công ty CP DV & XD Địa Ốc Đất Xanh chiếm 41% vốn điều lệ tương ứng với tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng, kỳ kế toán và hình thức sổ kế toán

Tập đoàn áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

3. ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06/11/2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2010.

Theo Thông tư 210, Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phái sinh do Tập đoàn phát hành (nếu có) để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả lẫn thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tập đoàn vì Tập đoàn chưa phát hành công cụ này.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### 4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám Đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### 4.2 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh (Công ty hay Công ty mẹ) và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập tại ngày 30/06/2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập Đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

##### Những thay đổi so với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011:

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp Hội Đồng Quản Trị số 27/2011/BBH-HĐQT ngày 29/12/2011 và Quyết định số 26/2011/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2011 về việc Công ty mẹ nhận chuyển nhượng 5.300.086 cổ phần tương ứng 98,15% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Xây dựng Địa Ốc Cao Su tại Công Ty Cổ Phần Xây dựng Địa Ốc Long Kim Phát dẫn đến tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ chiếm 99,96% kể từ ngày 31/03/2012.

##### 4.3 Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần

vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### 4.4 Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

##### Những thay đổi so với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011:

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0311415536 đăng ký lần đầu ngày 14/12/2011 và thay đổi lần 2 ngày 19/06/2012 của Công ty Cổ phần Quy hoạch Kiến Trúc Việt do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 6.000.000.000 đồng, vốn thực góp đến 30/06/2012 là 1.000.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn góp của Công ty CP DV & XD Địa Ốc Đất Xanh chiếm 41% vốn điều lệ tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ.

#### 4.5 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần, công nợ và nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### 4.6 Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### 4.8 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Tập Đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập Đoàn được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 4.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### 4.10 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao ước tính cho các nhóm tài sản như sau :

Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 – 06 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm

#### 4.11 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Thời gian khấu hao ước tính như sau:

Phần mềm, website và tài sản vô hình khác	03 - 06 năm
---	-------------

#### 4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập Đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 4.13 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và nhà của các căn hộ thương mại tại tòa nhà Sunview 1 và 2, Đường Cây Keo, Xã Tam Phú, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

#### 4.14 Các khoản đầu tư tài chính

##### Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con;
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết;
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

##### Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### 4.15 Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập các Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày các Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi các Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho các Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**4.16 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

**4.17 Chi phí trích trước**

Chi phí trích trước ghi nhận số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập Đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.18 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp**

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên 7%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

**4.19 Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Trợ cấp mất việc làm cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc trong Tập Đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31/12/2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng nửa mức lương bình quân của giai đoạn 6 tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ 01/01/2009, mức lương bình quân để tính trợ cấp thôi việc sẽ tính lại tại thời điểm kết thúc mỗi kỳ báo cáo bằng lương bình quân giai đoạn 06 tháng tính đến ngày báo cáo. Chênh lệch các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả được hạch toán vào kết quả kinh doanh. Kể từ năm 2012, Tập Đoàn không trích lập bổ sung dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Từ ngày 01/01/2009, Tập Đoàn đã đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ban hành ngày 12/12/2008.

**4.20 Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

**Ghi nhận cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 4.21 Ghi nhận doanh thu

##### Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tập Đoàn được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tập Đoàn về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập Đoàn có quyền nhận khoản lãi.

##### Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### 4.22 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.23 Chi phí thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Tập Đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%.

Ngoài ra, theo hướng dẫn tại Công văn số 3338/TCT-PCCS ngày 08/09/2006 của Tổng Cục Thuế về việc xác định chi phí hợp lý để tính thu nhập chịu thuế, Công ty TNHH DV-XD Địa Ốc Đất Xanh, nay là Công ty CP Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh, là công ty môi giới, nên khoản mục chi phí quảng cáo để phục vụ cho khách hàng (quảng cáo gián tiếp) sẽ được xem là chi phí trực tiếp và được tính toàn bộ vào chi phí hợp lý của công ty khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp nếu có đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp theo quy định.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập Đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập Đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.24 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập Đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**4.25 Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu và trình bày**

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập Đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Tập Đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ. Tập Đoàn xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Tập Đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và các khoản vay ngân hàng.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.738.783.073	1.169.000.140
Tiền gửi ngân hàng	25.331.342.936	12.491.166.103
Các khoản tương đương tiền	28.618.600.000 (*)	93.701.633.333
<b>Cộng</b>	<b>55.688.726.009</b>	<b>107.361.799.576</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng ở các ngân hàng.

**5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	100.117.334.542 (a)	147.258.046.723
Trả trước cho người bán	24.085.204.731 (b)	16.623.926.163
Các khoản phải thu khác	113.669.089.322 (c)	192.027.305.474
<b>Cộng</b>	<b>237.871.628.595</b>	<b>355.909.278.360</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(9.453.420.450) (d)	(9.453.420.450)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>228.418.208.145</b>	<b>346.455.857.910</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (a) Bao gồm các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập Đoàn, được chi tiết như sau :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng bán dự án căn hộ	50.028.955.885	37.017.841.128
Phải thu khách hàng dịch vụ môi giới	30.497.342.490	101.305.295.025
Khách hàng khác	19.591.036.167	8.934.910.570
<b>Cộng</b>	<b>100.117.334.542</b>	<b>147.258.046.723</b>

- (b) Chủ yếu các khoản trả trước chi phí xây dựng công trình cho các nhà thầu sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CPĐT XD & TM Đông Tây	7.971.397.107	2.873.070.689
Ông Nguyễn Thành Văn	5.800.997.849	5.800.997.849
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Đất Xanh	4.168.935.042	3.875.574.354
Ông Đỗ Hoàng Dương	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty TNHH Võ Đình	1.518.509.000	9.680.000

- (c) Bao gồm các khoản phải thu khác sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu Công ty CP Địa Ốc Long Điền khoản tài trợ vốn Khu dân cư – dịch vụ Giang Điền theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 0106/HDHTĐT ngày 27/06/2010	45.789.068.710	50.689.068.710
Phải thu Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Hồng Hà - hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng Căn hộ cao cấp Morning Star số 011/08/HĐGVĐT ngày 08/03/2008	12.235.728.500	12.235.728.500
Phải thu theo các giấy ủy quyền đứng tên hợp đồng mua quyền sử dụng đất	29.486.802.490	36.386.690.740
Phải thu Công ty CP Xây Dựng Địa Ốc Cao Su khoản ứng trước tiền theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp	-	31.746.600.000
Khoản tài trợ vốn cho Công ty CP Xây Dựng Địa Ốc Long Kim Phát	-	27.840.000.000
Phải thu tiền ứng trước cho bên bán nhà & đất	19.323.278.000	29.591.636.108
Các khoản phải thu khác	6.834.211.622	3.537.581.416
<b>Cộng</b>	<b>113.669.089.322</b>	<b>192.027.305.474</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(d) Bao gồm dự phòng nợ phải thu khó đòi các khách hàng sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Bà Nguyễn Thu Hòa	3.779.000.000	3.779.000.000
Bà Dương Thị Thục	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP TV ĐT XD Kiểm Định Liên Toàn Cầu	990.000.000	990.000.000
Ông Lưu Tấn Tiến	1.050.000.000	1.050.000.000
Công ty TNHH Ngọc Nhiên (Siver Sea Vũng Tàu)	195.062.175	195.062.175
Các khách hàng khác	439.358.275	439.358.275
<b>Cộng</b>	<b>9.453.420.450</b>	<b>9.453.420.450</b>

**5.3 Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	79.034.455	12.669.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241.071.822.881	77.892.648.384
+ Dự án căn hộ Phú Gia Hưng	168.285.748.143	77.892.648.384
+ Dự án khu dân cư Trảng Bom (Gold hill)	72.786.074.738	-
Thành phẩm (dự án căn hộ Tam Phú)	1.913.471.288	6.162.608.872
+ Dự án căn hộ Sunview 1	-	-
+ Dự án căn hộ Sunview 2	1.913.471.288	6.162.608.872
Hàng hoá	295.368.878	30.826.333
<b>Cộng</b>	<b>243.359.697.502</b>	<b>84.098.752.589</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(-)	(-)
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b>243.359.697.502</b>	<b>84.098.752.589</b>

**5.4 Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	5.000.000	5.000.000
Tạm ứng	8.049.874.190	6.444.605.642
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.162.357.000 (*)	38.145.956.205
<b>Cộng</b>	<b>43.217.231.190</b>	<b>44.595.561.847</b>

(\*) Bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
+ Khoản đặt cọc cho hợp đồng môi giới và bao tiêu sản phẩm Khu dân cư – dịch vụ Giang Điền	24.500.000.000	24.500.000.000
+ Các khoản đặt cọc mua dự án khác	10.662.357.000	13.645.956.205
<b>Cộng</b>	<b>35.162.357.000</b>	<b>38.145.956.205</b>

**5.5 Tài sản cố định hữu hình**

TSCĐ hữu hình	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	46.961.300	14.514.742.138	3.637.384.963	18.199.088.401
Tăng trong kỳ	-	1.147.265.818	140.672.727	1.287.938.545
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
Tăng khác (phân loại...)	-	345.240.746	4.352.424	349.593.170
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(147.092.256)	(147.092.256)
Giảm khác (phân loại...)	(46.961.300)	756.812.357	(709.851.057)	-
Số dư cuối kỳ	-	16.764.061.059	2.925.466.801	19.689.527.860
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2.975.894	4.254.367.293	1.462.199.998	5.719.543.185
Khấu hao trong kỳ	7.826.880	1.073.462.258	333.608.025	1.414.897.163
Tăng khác	-	345.240.746	4.352.424	349.593.170
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(78.283.414)	(78.283.414)
Giảm khác	(10.802.774)	145.273.896	(134.471.122)	-
Số dư cuối kỳ	-	5.818.344.193	1.587.405.931	7.405.750.124
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	43.985.406	10.260.374.845	2.175.184.965	12.479.545.216
Số dư cuối kỳ	-	10.945.716.866	1.338.060.870	12.283.777.736

Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đất Xanh Tây Bắc đã thế chấp xe Ford Everest biển số 56S – 5921 với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2012 là 566.758.707 VND (Ngày 31/12/2011: 630.920.076 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam.

Công ty CP Đất Xanh Mỹ Phước đã thế chấp xe ô tô biển số 61B-00031 với giá trị là 647.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Bình Dương.

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

TSCĐ vô hình	Trang Web	Phần mềm kế toán	TSCĐ vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	290.166.005	14.248.000	107.434.600	411.848.605
Tăng trong kỳ	-	108.851.930	-	108.851.930
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	290.166.005	123.099.930	107.434.600	520.700.535

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	127.754.552	8.608.167	107.434.600	243.797.319
Khấu hao trong kỳ	17.401.228	12.666.194	-	30.067.422
Thanh lý				
Số dư cuối kỳ	145.155.780	21.274.361	107.434.600	273.864.741
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	162.411.453	5.639.833	-	168.051.286
Số dư cuối kỳ	145.010.225	101.825.569	-	246.835.794

**5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 1.935.722.112**

Giá trị mua sắm dở dang của các phần mềm quản lý.

**5.8 Bất động sản đầu tư**

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá	26.289.557.319	-	-	26.289.557.319
Hao mòn lũy kế	876.318.564	438.159.282	-	1.314.477.846
Giá trị còn lại	25.413.238.755	-	-	24.975.079.473

**5.9 Đầu tư vào các công ty liên kết**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Địa ốc Long Điền	22.006.358.506	22.874.218.282
<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>24.500.000.000</i>	<i>24.500.000.000</i>
<i>Phần lợi nhuận/(lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia</i>	<i>(2.493.641.494)</i>	<i>(1.625.781.718)</i>
Công ty CP Xây dựng Đất Xanh	2.968.133.539	2.295.013.046
<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>2.100.000.000</i>	<i>2.100.000.000</i>
<i>Phần lợi nhuận/(lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia</i>	<i>868.133.539</i>	<i>195.013.046</i>
Công ty CP Quy Hoạch Kiến Trúc Việt	293.863.430	-
<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>410.000.000</i>	-
<i>Phần lợi nhuận/(lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia</i>	<i>(116.136.570)</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>25.268.355.476</b>	<b>25.169.231.328</b>

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tập Đoàn được trình bày như sau:

**Công ty CP Địa Ốc Long Điền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng tài sản	275.695.017.270	261.469.872.950
Tổng công nợ	230.784.081.543	214.787.794.824
Tài sản thuần	44.910.935.727	46.682.078.126
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty liên kết (49%)	22.006.358.506	22.874.218.282
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu	-	-
Lợi nhuận thuần/(lỗ)	(1.771.142.399)	(1.308.453.199)
Lợi nhuận thuần/(lỗ) của Tập Đoàn trong công ty liên kết	(867.859.776)	(641.142.068)

**Công ty CP Xây Dựng Đất Xanh**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng tài sản	23.060.619.630	24.605.087.810
Tổng công nợ	16.040.066.688	19.214.178.620
Tài sản thuần	7.020.552.942	5.390.909.190
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty liên kết (42%)	2.948.632.236	2.264.181.860
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu	19.937.846.497	196.298.700
Lợi nhuận thuần/(lỗ)	1.602.667.841	(189.573.408)
Lợi nhuận thuần/(lỗ) của Tập Đoàn trong công ty liên kết (42%)	673.120.493	(79.620.831)

**Công ty CP Quy Hoạch Kiến Trúc Việt**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng tài sản	17.735.550.916	101.198.903
Tổng công nợ	17.018.811.940	1.200.000
Tài sản thuần	716.738.976	99.998.903
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty liên kết (41%)	293.862.980	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu	15.860.023.232	-
Lợi nhuận thuần/(lỗ)	(283.259.927)	-
Lợi nhuận thuần/(lỗ) của Tập Đoàn trong công ty liên kết	(116.136.570)	-

Công ty mẹ bắt đầu góp vốn vào Công ty CP Quy Hoạch Kiến Trúc Việt kể từ tháng 01/2012, vì vậy chỉ bắt đầu có lợi ích trong kỳ hoạt động này.

**5.10 Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác là chi phí phát triển các dự án bao gồm :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
+ Dự án Arisen	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Dự án TNT, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	24.270.070.000	24.270.070.000
+ Dự án khu trang trại – nuôi trồng sinh thái du lịch – Nhà biệt thự vườn Khoa Nguyễn	45.452.483.842	45.452.483.842
+ Dự án Công ty Đầu Tư Đông Á	22.686.488.000	17.017.388.000
+ Dự án KDC Tân Vũ Minh 3B Bình Dương	28.081.873.500 (*)	28.081.873.500
+ Dự án Công ty TNHH Minh Hưng	6.077.575.090	6.077.575.090
+ Các dự án khác	2.830.147.697	3.279.786.242
<b>Cộng</b>	<b>179.398.638.129</b>	<b>174.179.176.674</b>

(\*) Giá trị quyền sử dụng đất của khu dân cư được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại các ngân hàng.

**5.11 Tài sản dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn	1.264.256.516 (a)	2.651.319.659
Tài sản thuế hoãn lại	63.515.023	63.515.023
Tài sản dài hạn khác	1.721.316.360 (b)	1.926.291.400
<b>Cộng</b>	<b>3.049.087.899</b>	<b>4.641.126.082</b>

(a) Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là giá trị công cụ dụng cụ đang sử dụng còn chờ phân bổ.

(b) Tài sản dài hạn khác là các khoản đặt cọc tiền thuê văn phòng trụ sở của các công ty trong Tập Đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5.12 Lợi thế thương mại

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi thế thương mại đầu năm	56.214.662.757	25.785.272.677
Lợi thế thương mại tăng trong kỳ	-	-
Phân bổ lợi thế thương mại	(3.318.061.567)	(1.611.271.189)
Lợi thế thương mại cuối kỳ	52.896.601.190	24.174.001.488

Chi tiết như sau:

Công ty con	Đầu Tư và	Hà Thuận	Lý Khoa	Cộng
	Phát Triển	Hùng	Nguyên	
	Tp.HCM			
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tỉ lệ vốn góp	50%	99%	100%	
<b>Gía phí hợp nhất kinh doanh</b>	<b>57.120</b>	<b>25.740</b>	<b>79.637</b>	<b>162.497</b>
Tài sản thuần công ty con	49.986	25.901	45.501	121.387
Vốn chủ sở hữu	50.000	26.000	48.000	124.000
Lợi nhuận chưa phân phối	(14)	(99)	(2.499)	(2.612)
<b>Tài sản thuần công ty con mua được</b>	<b>24.993</b>	<b>25.642</b>	<b>45.501</b>	<b>96.136</b>
Lợi thế thương mại tại ngày mua	32.127	98	34.136	66.361
Lợi thế thương mại đã phân bổ lũy kế	11.244	29	2.191	13.465
<b>Lợi thế thương mại chưa phân bổ đến 30/06/2012</b>	<b>20.882</b>	<b>69</b>	<b>31.945</b>	<b>52.896</b>

Các lợi thế thương mại trên đây được ghi nhận từ các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

- Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đất Xanh, do mua lại 2.500.000 cổ phần theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu ngày 01/10/2008 (nay đổi tên thành Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Tp. HCM).

- Công ty TNHH Xây Dựng - Thương Mại - Dịch Vụ Hà Thuận Hùng, do mua lại phần vốn góp 20 tỷ đồng của Ông Huỳnh Hồng Hà theo Hợp đồng chuyển nhượng góp vốn ký ngày 25/06/2009, và mua lại phần vốn góp 5,74 tỷ đồng của Ông Huỳnh Đông Hải theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ký ngày 25/06/2009.

- Công Ty TNHH Du Lịch-Thương Mại-Sản Xuất & Xây Dựng Lý Khoa Nguyên, do mua lại toàn bộ phần vốn góp với tổng giá trị 79.636.557.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ký ngày 03/11/2011.

5.13 Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vay ngân hàng	24.950.000.000 (*)	108.850.000.000
Vay cá nhân	-	-
Vay đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.950.000.000</b>	<b>108.850.000.000</b>



(\*) Bao gồm các khoản vay ngân hàng sau:

- Khoản vay của Ngân hàng Công Thương Chi nhánh 8 theo Hợp đồng vay số 0085/2011/HĐTD ngày 19/10/2011, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay thả nổi, mục đích vay thanh toán các chi phí liên quan đến việc thực hiện hợp đồng bao tiêu sản phẩm dự án Khu dân cư Suối Sơn tỉnh Đồng Nai, khoản vay được đảm bảo bằng giá trị tài sản quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 462, tờ bản đồ số C4, xã Vĩnh Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương do công ty làm chủ sở hữu (xem mục 5.10). Dư nợ vay đến ngày 30/06/2012 là 24.500.000.000 VND.

- Vay ngắn hạn Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – CN 11 theo hợp đồng tín dụng số 6480 – LAV – 201100253/HĐTD ngày 27/04/2011 và phụ lục số 1 ngày 15/05/2012 với mục đích bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 24 tháng từ 13/05/2011 đến 13/05/2013, lãi suất 20%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản xe Ford Everest biển số 56S – 5921 trị giá 700.000.000 VND (xem mục 5.5). Dư nợ vay đến ngày 30/06/2012 là 450.000.000 VND.

**5.14 Nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán	22.244.769.363 (a)	4.291.314.596
Người mua trả tiền trước	146.639.793.997 (b)	121.407.365.002
Phải trả người lao động	6.284.656.460 (c)	6.765.877.337
Chi phí phải trả	108.286.972.516 (d)	10.815.154.230
Phải trả, phải nộp khác	71.814.604.468 (e)	147.896.793.380
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.389.730.961 (f)	1.955.732.947
<b>Cộng</b>	<b>356.660.527.765</b>	<b>293.132.237.492</b>

(a) Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập Đoàn.

(b) Người mua trả tiền trước là các khoản khách hàng ứng tiền trước để mua các căn hộ và các dự án khác :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án căn hộ Sunview 2	1.614.695.741	2.247.599.531
Dự án căn hộ Phú Gia Hưng	128.034.616.481	118.403.565.471
Dự án khu dân cư Tráng Bom (Gold hill)	16.507.237.723	-
Phí dịch vụ và phí khác	483.244.052	756.200.000
<b>Cộng</b>	<b>146.639.793.997</b>	<b>121.407.365.002</b>

(c) Phải trả người lao động, chủ yếu là khoản lương và hoa hồng tháng 06/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(d) Chi phí phải trả bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí phải trả ước tính để hoàn thành các dự án:	107.029.921.515	8.123.441.587
- Dự án căn hộ Sunview 1, Sunview 2	7.916.946.132	8.123.441.587
- Dự án căn hộ Phú Gia Hưng	98.776.487.063	-
- Dự án Long Định	336.488.320	-
Chi phí lãi vay	309.652.777	1.018.875.000
Chi phí phải trả khác	947.398.224	1.672.837.643
<b>Cộng</b>	<b>108.286.972.516</b>	<b>10.815.154.230</b>

(e) Phải trả khác, chủ yếu:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải hoàn trả tiền hợp đồng góp vốn mua dự án cho khách hàng	3.920.023.652	2.576.886.818
Phải trả cá nhân tài trợ vốn ở công ty con	3.969.612.521	3.273.380.781
Phải trả tiền thu hộ phí bảo trì và các chi phí khác	11.233.541.613	8.249.317.093
Phải trả tiền thu hộ cho chủ đầu tư dự án	22.314.697.151	132.843.647.154
+ Công ty CP Quốc tế Năm Sao tiền thu hộ của khách hàng đăng ký mua dự án Khu dân cư Phước Lý, Long An	20.115.060.674	108.673.223.317
+ Các chủ đầu tư khác	2.199.636.477	24.170.423.837
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn	20.581.815.879	-

(f) Quỹ khen thưởng, phúc lợi bao gồm:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.955.732.947	2.160.596.317
Trích lập trong kỳ	2.529.832.233	3.978.070.086
Sử dụng trong kỳ	(3.095.834.219)	(3.508.619.888)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.389.730.961</b>	<b>2.630.046.515</b>

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.473.697.328	3.189.709.765
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.526.207.389	7.599.772.551
Thuế thu nhập cá nhân	933.776.207	957.152.760
<b>Cộng</b>	<b>17.933.680.924</b>	<b>11.746.635.076</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5.16 Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vay cá nhân	11.892.496.000 (a)	11.892.496.000
Vay ngân hàng	169.040.000 (b)	222.320.000
<b>Cộng</b>	<b>12.061.536.000</b>	<b>12.114.816.000</b>

(a) Khoản vay dài hạn cá nhân Ông Trần Quyết Chiến, Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh (công ty con), có lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/09/2009 để thực hiện dự án tại Đường Ngô Chí Quốc, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến sau 15 ngày kể từ ngày quyết toán bàn giao công trình hoàn thành. Số dư nợ vay đến 30/06/2012 là 11.892.496.000 VND.

(b) Khoản vay Ngân Hàng TMCP Phương Đông - CN Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng số 010.11.00020 ngày 13/01/2010 với số tiền vay là 320.000.000 VND, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay là 1,8%/tháng nhằm mục đích mua xe. Khoản vay này được thế chấp bằng chính tài sản đi vay (xe ô tô biển số 61B-00031) với giá trị tài sản thế chấp là 647.000.000 VND (xem mục 5.5). Số dư nợ vay đến 30/06/2012 là 169.040.000 VND.

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Khách hàng trả trước tiền thuê các căn hộ thương mại ở Sunview 1 và Sunview 2	2.562.925.703	2.589.214.679

5.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã sửa đổi, vốn điều lệ của công ty là 320.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, cơ cấu vốn cụ thể như sau:

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	15.278.375	152.783.750	47,74
2	Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	12.462.875	124.628.750	38,95
3	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	4.160.527	41.605.270	13,00
4	Cổ đông người nước ngoài	98.223	982.230	0,31
	<b>Cộng</b>	<b>32.000.000</b>	<b>320.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trong đó, các cổ đông sáng lập của công ty gồm các thành viên sau:

Stt	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lương Trí Thìn	9.408.375	94.083.750	29,40
2	Ông Lương Trí Tú	441.308	4.413.080	1,38
3	Ông Trần Văn Ánh	50.250	502.500	0,16
	<b>Cộng</b>	<b>9.899.933</b>	<b>98.999.330</b>	<b>30,94</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH**  
**VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU SỐ B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	160.000.000.000	5.280.000.000	6.750.597.506	71.567.372.623	243.597.970.129					
Tăng vốn trong năm	160.000.000.000	26.905.270.806	-	-	186.905.270.806					
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.591.496.067	24.591.496.067					
Cổ tức được chia	-	-	-	(48.000.000.000)	(48.000.000.000)					
Hoàn nhập quỹ	-	-	(2.348.680.413)	2.348.680.413	-					
Phân phối quỹ	-	-	2.560.922.900	(8.265.694.769)	(5.704.771.869)					
Số dư cuối năm trước	320.000.000.000	32.185.270.806	6.962.839.993	42.241.854.334	401.389.965.133					
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-					
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	8.242.213.907	8.242.213.907					
Cổ tức được chia	-	-	-	-	-					
Hoàn nhập quỹ	-	-	(279.707.500)	279.707.500	-					
Phân phối quỹ	-	-	1.016.530.868	(3.546.363.102)	(2.529.832.234)					
Số dư cuối kỳ	320.000.000.000	32.185.270.806	7.699.663.361	47.217.412.639	407.102.346.806					

Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2012/NQ-DHĐCĐ ban hành ngày 21/04/2012 của Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên quyết định việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2011, công ty đã tạm trích lập các quỹ như sau: trích quỹ khen thưởng 5% trên tổng lợi nhuận sau thuế, trích quỹ phúc lợi 2% trên tổng lợi nhuận sau thuế và trích quỹ dự phòng tài chính 3% trên tổng lợi nhuận sau thuế.

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	32.000.000	32.000.000
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	32.000.000	32.000.000
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	32.000.000	32.000.000

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.

**5.19 Cổ tức**

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong kỳ công ty tạm không chi trả cổ tức năm 2011 để tập trung vốn bổ sung cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư của công ty.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cũng thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2012 không vượt quá 10%/mệnh giá (1.000 đồng/cổ phần).

**5.20 Lợi ích của cổ đông thiểu số**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>55.785.510.435</b>	<b>45.393.554.359</b>
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong kỳ	957.460.000	8.185.100.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số	(242.242.752)	2.460.015.596
Cổ tức được chia	(4.488.580.669)	(5.631.864.520)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>52.012.147.014</b>	<b>50.406.805.435</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu từ dịch vụ môi giới bất động sản	78.565.808.274	58.776.844.108
Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	54.472.549.580	107.326.075.303
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(3.435.048.381)</i>	<i>(1.180.908.097)</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(199.930.982)</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>129.603.309.473</b>	<b>164.922.011.314</b>

(\*) Trong kỳ có một số khách hàng trả lại căn hộ đã mua và sau đó Công ty cũng đã tiến hành chuyển nhượng các căn hộ này cho những khách hàng khác.

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ môi giới bất động sản	10.651.743.358	9.261.413.274
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng bất động sản	39.548.602.341	59.468.557.537
<b>Cộng</b>	<b>50.200.345.699</b>	<b>68.729.970.811</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.710.834.800	9.427.546.569
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.024.960	-
<b>Cộng</b>	<b>1.752.859.760</b>	<b>9.427.546.569</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.486.590.092	3.667.293.620
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.486.590.092</b>	<b>3.667.293.620</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.925.245.366	7.567.718.028
Chi phí vật liệu, dụng cụ	113.926.169	101.935.771
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.098.864	129.417.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.518.946.199	8.729.266.029
Chi phí bằng tiền khác	1.279.283.608	1.712.536.006
<b>Cộng</b>	<b>19.918.500.206</b>	<b>18.240.873.142</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	20.442.274.698	17.650.381.041
Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	2.107.621.411	2.298.387.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.363.865.721	1.291.585.207
Thuế, phí và lệ phí	53.666.890	122.512.944
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.178.223.455	8.406.699.994
Chi phí bằng tiền khác	3.193.043.897	4.306.949.067
Phân bổ lợi thế thương mại	3.318.061.566	1.611.271.190
<b>Cộng</b>	<b>38.656.757.638</b>	<b>35.687.786.455</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6.7 Thu nhập khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập từ quyền khai thác lợi thế căn hộ thương mại	1.143.789.668	-
Thu tiền phạt, bồi thường	891.059.744	1.592.405.347
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	326.540.655	-
Thu nhập khác	427.228.326	668.071.703
<b>Cộng</b>	<b>2.788.618.393</b>	<b>2.260.477.050</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí từ hủy quyền khai thác lợi thế căn hộ thương mại	1.839.551.654	
Chi phí phạt, bồi thường, hành chính .....	904.012.241	1.083.290.000
Chi phí tài sản cố định đã thanh lý	219.266.169	
Chi phí khác	111.104.027	921.458.977
<b>Cộng</b>	<b>3.073.934.091</b>	<b>2.004.748.977</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>- Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế</b>	<b>16.497.784.048</b>	<b>47.638.219.860</b>
<b>- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	7.770.017.858	7.094.447.647
+ Lỗ của các công ty con	7.209.219.306	5.796.858.473
+ Chi phí không được trừ	560.798.552	1.297.589.174
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	4.789.956.822	5.644.658.124
+ Cổ tức và lợi nhuận được chia	5.100.832.674	6.285.800.192
+ Lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết	(310.875.852)	(641.142.068)
<b>Trừ: Chuyển lỗ năm trước ở công ty con</b>	<b>1.062.727.566</b>	<b>-</b>
<b>Trừ: Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản</b>	<b>145.361.633</b>	<b>38.749.568.448</b>
<b>Cộng: Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất không chịu thuế</b>	<b>12.365.390.483</b>	<b>9.606.911.221</b>
<b>Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh và hoạt động khác</b>	<b>32.755.024.334</b>	<b>19.945.352.156</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác</b>	<b>8.188.756.084</b>	<b>5.032.557.206</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Cộng khoản thuế từ thu nhập chuyển nhượng bất động sản	113.911.166	9.687.392.112
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	195.145.643	2.180.920
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm</b>	<b>8.497.812.893</b>	<b>14.722.130.238</b>
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
<b>Cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>8.497.812.893</b>	<b>14.722.130.238</b>
<b>6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	8.242.213.907	30.456.074.027
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.000.000	16.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	258	1.904
<b>6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	35.278.186.464	35.311.586.675
Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	2.221.547.580	2.814.852.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.883.123.867	1.859.161.797
Thuế, phí và lệ phí	51.666.890	149.787.944
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.419.265.165	16.559.807.767
Chi phí bằng tiền khác	4.640.315.429	5.713.953.550
Phân bổ lợi thế thương mại	3.318.061.566	1.611.271.190
Chi phí thi công công trình xây dựng	183.509.014.856	6.434.622.657
<b>Cộng</b>	<b>251.321.181.817</b>	<b>70.455.043.849</b>

**6.12 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập Đoàn là cung cấp các dịch vụ môi giới bất động sản và đầu tư bất động sản. Do đó Tập Đoàn còn trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các lĩnh vực kinh doanh để quản lý.

Ngoài ra Tập đoàn hoạt động trải dài trên khắp 03 (ba) miền của đất nước: miền Nam, miền Bắc và miền Trung. Mặc dù các công ty con ở miền Bắc và miền Trung mới thành lập nhưng ngày càng góp phần vào sự phát triển của Tập Đoàn, nên kể từ 2012, Ban Tổng Giám Đốc còn phân chia báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để phục vụ cho công tác quản lý.

Các thông tin về lĩnh vực kinh doanh doanh và về khu vực địa lý của Tập Đoàn như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**BỘ PHẬN CHÍNH YẾU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận Dịch vụ môi giới bất động sản – môi giới sản phẩm bất động sản cho khách hàng và cho sản phẩm của công ty.
- Bộ phận Đầu tư bất động sản – đầu tư và kinh doanh bất động sản

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tập Đoàn như sau :

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Dịch vụ môi giới bất động sản		Đầu tư bất động sản		ĐVT: triệu VND	
					Tổng cộng	
	30/06/2012	31/12/2011	30/06/2012	31/12/2011	30/06/2012	31/12/2011
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	873.951	886.243
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	-	-	-	-	<b>873.951</b>	<b>886.243</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	414.837	429.068
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	-	-	-	-	<b>414.837</b>	<b>429.068</b>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	Dịch vụ môi giới bất động sản		Đầu tư bất động sản		ĐVT: triệu VND	
					Tổng cộng	
	30/06/2012	31/12/2011	30/06/2012	31/12/2011	30/06/2012	31/12/2011
<b>Doanh thu thuần</b>						
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	78.366	174.941	51.237	105.096	129.603	282.267
Doanh thu thuần từ các bộ phận khác	-	4.119	-	-	-	4.119
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>78.366</b>	<b>179.060</b>	<b>51.237</b>	<b>105.096</b>	<b>129.603</b>	<b>286.386</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Kết quả kinh doanh bộ phận	67.714	159.456	11.689	46.627	79.403	206.083
(-) Chi phí không phân bổ					58.575	128.956
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>20.828</b>	<b>77.127</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	(311)	(1.488)
Doanh thu tài chính	1.753	17.464
(-) Chi phí tài chính	5.486	38.554
Lãi (lỗ) khác	(285)	845
Lợi nhuận trước thuế	16.498	55.393
(-) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8.498	22.284
(-) Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	49
Lợi nhuận trong năm	8.000	33.060
(-) Lợi ích cổ đông thiểu số	(242)	8.469
<b>Thu nhập thuần</b>	<b>8.242</b>	<b>24.591</b>

**BỘ PHẬN THỨ YẾU THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Cơ cấu tổ chức của Tập Đoàn được phân bố như sau:

- Miền Nam: gồm Công ty mẹ và 13 công ty con ở khu vực miền Nam
- Miền Bắc: Công ty CP Dịch Vụ và Địa Ốc Đất Xanh Miền Bắc
- Miền Trung: Công ty Cổ Phần Đất Xanh Miền Trung

Các thông tin bộ phận về khu vực địa lý của Tập Đoàn như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2012**

	DVT: triệu VND				
	Công ty mẹ và các công ty con ở Miền Nam	Công ty CP Dịch Vụ và Địa Ốc Đất Xanh Miền Bắc	Công ty Cổ Phần Đất Xanh Miền Trung	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	1.175.303	10.390	3.409	(340.161)	848.683
Đầu tư vào Công ty liên kết	27.010	-	-	(1.742)	25.268
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	<b>1.202.313</b>	<b>10.390</b>	<b>3.409</b>	<b>(342.161)</b>	<b>873.951</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	523.070	3.002	2.314	(113.550)	414.836
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>523.070</b>	<b>3.002</b>	<b>2.314</b>	<b>(113.550)</b>	<b>414.836</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

**ĐVT: triệu VND**

	Công ty mẹ và các công ty con ở Miền Nam	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ và Địa Ốc Đất Xanh Miền Bắc	Công ty Cổ Phần Đất Xanh Miền Trung	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
<b>Doanh thu thuần</b>					
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	133.536	8.623	1.771	(14.326)	129.603
Doanh thu thuần từ các bộ phận khác	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>133.536</b>	<b>8.623</b>	<b>1.771</b>	<b>(14.326)</b>	<b>129.603</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	75.276	6.524	1.439	(3.837)	79.403
Doanh thu tài chính	7.434	76	10	(5.767)	1.753
(-) Chi phí tài chính	5.565	-	-	(79)	5.487
(-) Chi phí bán hang	18.106	1.718	641	(546)	19.919
(-) Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.741	2.812	1.145	2.959	38.657
(-) Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.298	2.071	(336)	(11.939)	17.094
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	(311)	(311)
Lãi (lỗ) khác	125	15	1	(427)	(285)
Lợi nhuận trước thuế	27.423	2.086	(335)	(12.677)	16.498
(-) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8.059	439	-	-	8.498
(-) Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	19.364	1.647	(335)	(12.677)	8.000
(-) Lợi ích cổ đồng thiểu số	-	-	-	(242)	(242)
<b>Thu nhập thuần</b>	<b>19.364</b>	<b>1.647</b>	<b>(335)</b>	<b>(12.919)</b>	<b>8.242</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin các bên liên quan**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập Đoàn:

<u>Tên bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
• Công ty CP Địa Ốc Long Điền	Công ty liên kết
• Công ty CP Xây dựng Đất Xanh	Công ty liên kết
• Công ty CP Quy Hoạch Kiến Trúc Việt	Công ty liên kết
• Ông Lương Trí Thìn	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám Đốc
• Ông Trần Văn Ánh	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
• Ông Nguyễn Khánh Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc
• Ông Trần Minh Toàn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Xây Dựng Đất Xanh
• Ông Nguyễn Đình Lâm	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc tài chính
• Ông Trần Quyết Chiến	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh
• Ông Nhâm Hà Hải	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
• Ông Lương Trí Thảo	Cố đồng kiêm TGD Công ty CP Đất Xanh Mỹ Phước
• Ông Lương Trí Tú	Cố đồng, kiêm thủ quỹ
• Ông Trần Khánh Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc (miễn nhiệm ngày 07/03/2012)
• Ông Nguyễn Hữu Quang	Giám đốc tài chính (miễn nhiệm ngày 01/04/2012)
• Ông Nguyễn Anh Đào	Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Đất Xanh Tây Bắc

**Số dư với các bên liên quan**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu theo giấy ủy quyền đứng tên hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất (xem thêm mục 5.2 (c))	29.486.802.490	36.386.690.740
Phải thu tài trợ vốn (xem thêm mục 5.2 (c))	45.789.068.710	50.689.068.710
Phải thu tạm ứng	3.626.075.239	3.660.927.695
Phải thu ký quỹ ký cược ngắn hạn (xem thêm mục 5.4)	24.500.000.000	24.500.000.000
Phải thu người mua	21.485.956.053	5.367.010.560
Vay dài hạn (xem thêm mục 5.16(a))	11.892.496.000	11.892.496.000
Lãi vay phải trả	2.824.612.521	2.223.380.781
Phải trả cổ tức	641.150.069	700.846.339
Phải trả người bán	17.491.013.811	-
Phải trả khác	1.062.447.080	1.532.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Giao dịch với các bên liên quan:**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Công ty CP Long Điền</b>		
Cung cấp dịch vụ môi giới	2.081.916.075	-
Nhận cung cấp dịch vụ môi giới	-	-
Tài trợ vốn	-	31.231.629.310
<b>Công ty CP Xây dựng Đất Xanh</b>		
Cung cấp dịch vụ thuê văn phòng	92.702.731	33.000.000
Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	7.119.119.224	196.298.700
<b>Công ty CP Quy Hoạch Kiến Trúc Việt</b>		
Cung cấp dịch vụ tư vấn	15.303.090.834	-
Nhận cung cấp dịch vụ tư vấn	15.827.295.960	-
Góp vốn	410.000.000	-
<b>Các bên có liên quan khác</b>		
Chi cổ tức	22.947.802	-
Thu hộ	4.921.345.079	255.401.000
Trả lại tiền thu hộ	8.356.680.603	255.401.000
Thu tạm ứng	320.494.456	506.428.938
Chi tạm ứng	447.387.000	2.185.310.544
Phải thu bán hàng	19.225.480.604	-
Đã thu bán hàng	7.292.539.769	-
Phải trả mua hàng	25.241.056.702	-
Đã trả mua hàng	8.124.391.834	-
Thu lại tiền tài trợ vốn	4.900.000.000	-
Trả nợ vay ngắn hạn	-	-
Lãi vay phải trả	601.231.740	-
Lãi vay đã trả	-	-

**Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Thù lao Hội đồng quản trị</b>	<b>320.276.041</b>	<b>408.000.000</b>
Thù lao Hội đồng quản trị Công ty mẹ	117.000.000	408.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị các công ty con	203.276.041	-
<b>Thu nhập Tổng Giám Đốc</b>	<b>2.635.461.472</b>	<b>1.484.163.993</b>
Thu nhập Tổng Giám Đốc Công ty mẹ	374.613.265	393.017.130
Thu nhập Tổng Giám Đốc các công ty con	2.260.848.207	1.091.146.863
<b>Thu nhập của cán bộ chủ chốt toàn Tập Đoàn</b>	<b>6.372.198.713</b>	<b>3.080.971.132</b>

## 7.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám Đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám Đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Tập đoàn chịu ảnh hưởng của rủi ro liên quan đến giá thị trường là rủi ro lãi suất. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Tập đoàn dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tập đoàn dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào khách hàng nhất định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

*Tiền gửi ngân hàng*

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty và các công ty con theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính hợp nhất là giá trị ghi sổ như trình bày trong thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với ngân hàng là thấp.

*Các công cụ tài chính khác*

Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn và đã lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như đã nêu tại mục 5.2 trên đây.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám Đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào	Đơn vị tính: VND		
		Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 30/06/2012</b>				
Các khoản vay và nợ	-	24.950.000.000	12.061.536.000	37.011.536.000
Phải trả nhà cung cấp	-	22.244.769.363	-	22.244.769.363
Phải trả người lao động	-	6.284.656.460	-	6.284.656.460
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	108.286.972.516	-	108.286.972.516
Các khoản phải trả khác	-	71.814.604.468	140.674.803	71.955.279.271
	-	<b>233.581.002.807</b>	<b>12.202.210.803</b>	<b>245.783.213.610</b>
<b>Ngày 31/12/2011</b>				
Các khoản vay và nợ	-	108.850.000.000	12.114.816.000	120.964.816.000
Phải trả nhà cung cấp	-	4.291.314.596	-	4.291.314.596
Phải trả người lao động	-	6.765.877.337	-	6.765.877.337
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	10.815.154.230	-	10.815.154.230
Các khoản phải trả khác	-	147.896.793.380	80.674.803	147.977.468.183
	-	<b>278.619.139.543</b>	<b>12.195.490.803</b>	<b>290.814.630.346</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tiếp tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31/12/2011 và ngày 30/06/2012.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Các khoản vay ngân hàng được ghi nhận theo phương pháp chiết khấu sử dụng tỷ lệ lãi suất thực tế. Việc xác định giá trị chiết khấu có tính đến các chiết khấu hoặc phụ trội cũng như các khoản phí hoặc chi phí khác là một phần không thể tách rời của lãi suất thực tế. Tại ngày 30/06/2012, Tập đoàn đánh giá rằng giá trị hợp lý của các khoản vay ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp tương đương với giá trị ghi sổ do các khoản mục này có mức lãi suất thả nổi tương đương với lãi suất thị trường; và
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu như thuyết minh 4.4.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2012 của Tập đoàn:



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐẤT XANH  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MÀU SỐ B 09-DN**

**Đơn vị tính: VND**

	Giá trị ghi số		Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	30/06/2012	31/12/2011				
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền gửi ngân hàng	28.618.600.000	93.701.633.333				28.618.600.000
Phải thu khách hàng	100.117.334.542	147.258.046.723	(9.453.420.450)			90.663.914.092
Phải thu khác	113.669.089.322	192.027.305.474				113.669.089.322
Các khoản tài sản tài chính dài hạn khác	179.398.638.129	174.179.176.674				179.398.638.129
Tiền	27.070.126.009	13.660.166.243				27.070.126.009
<b>Tổng cộng</b>	<b>448.873.788.002</b>	<b>(9.453.420.450)</b>	<b>620.826.328.447</b>	<b>(9.453.420.450)</b>		<b>439.420.367.552</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ ngắn hạn	24.950.000.000	108.850.000.000				24.950.000.000
Vay và nợ dài hạn	12.061.536.000	12.144.816.000				12.061.536.000
Phải trả nhà cung cấp	22.244.769.363	4.291.314.596				22.244.769.363
Phải trả người lao động	6.284.656.460	6.765.877.337				6.284.656.460
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	108.286.972.516	10.815.154.230				108.286.972.516
Phải trả khác	71.814.604.468	147.896.793.380				71.814.604.468
<b>Tổng cộng</b>	<b>245.642.538.807</b>	<b>290.733.955.543</b>				<b>245.642.538.807</b>

### 7.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 01/2012/NQ-DHĐCĐ ngày 21/04/2012 của Công ty CP DV và XD Địa Ốc Đất Xanh, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giao cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định việc sáp nhập Công ty CP KD DV BĐS Đất Xanh vào Công ty CP DV và XD Địa Ốc Đất Xanh.

Tháng 07/2012, Công ty CP KD DV BĐS Đất Xanh đã chính thức gửi công văn số 12/2012/DXS ngày 20/07/2012 cho Chi cục thuế quận Bình Thạnh về việc xin quyết toán thuế để giải thể doanh nghiệp. Việc quyết toán giải thể này đang được các cơ quan chức năng và các bên liên quan xem xét và tiến hành các thủ tục pháp lý có liên quan.

- Kể từ ngày 01/01/2012, Công ty CP Đất Xanh Bình Dương ngừng hoạt động, giải thể và chuyển thành chi nhánh của Công ty Cổ Phần Đất Xanh Mỹ Phước theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 428/2011/BB-DXBĐ/HDQT ngày 26/11/2011. Công ty CP Đất Xanh Bình Dương đã thực hiện xong việc quyết toán thuế giải thể theo Biên bản kiểm tra thuế giải thể ngày 17/04/2012 và đã hoàn thành việc nộp thuế theo Biên bản này. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này Công ty vẫn chưa nhận được văn bản chính thức từ Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương cho phép giải thể.

- Theo Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh số 23/TB – DXHC ngày 21/04/2012 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đất Xanh Hoàn Cầu, kể từ ngày 21/04/2012 chấm dứt hoạt động kinh doanh và giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đất Xanh Hoàn Cầu tọa lạc tại số 434-436 Minh Phụng, phường 9, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0309613523-001 ngày 24/06/2010 và Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 2 ngày 12/08/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.



Lương Trí Thiển  
Tổng Giám Đốc

Đỗ Thị Thái  
Kế Toán Trưởng

Ngày 21 tháng 7 năm 2012